

Thứ hai, ngày 19 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Thị trường bứt phá

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/4/2021		•	
Tuần 19/4-23/4/2021		•	
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên giảm điểm đột biến cuối tuần trước, VN-Index đã nhanh chóng lấy lại vị thế và vượt lên ngưỡng tâm lý 1,250 điểm trong phiên hôm nay. Dòng tiền đầu tư chảy mạnh vào thị trường 15/19 khi có đến tăng điểm. Biên độ thị trường nở rộng và độ rộng thị trường tích cực đề phản ánh mạnh tâm lý giao dịch tích cực trong phiên hôm nay. Khối ngoại tiếp tục hoạt động bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Với dòng tiền khối nội ổn định và tâm lý giao dịch hưng phấn, VN-Index nhiều khả năng sẽ vận động trong vùng điểm 1,250 -1,280 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: BMI_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+21.87** điểm, đóng cửa **1,260.58** điểm. HNX-Index **+2.64** điểm, đóng cửa **295.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+3.12)**, **HPG(+2.82)**, **MSN(+2.19)**, **VCB(+2.17)**, **TCB(+1.07)**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM(-0.45)**, **FLC(-0.14)**, **BHN(-0.12)**, **ITA(-0.11)**, **PLX(-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,350** tỷ đồng, **-8.5%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,730 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 24.98 điểm. Thị trường có **297** mã tăng, 52 mã tham chiếu và **126** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-743.05** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-262.8 tỷ)**, **VHM (-145 tỷ)** và **MBB (-85.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.43** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1260.58**
Giá trị: 18350.45 tỷ **21.87 (1.77%)**
Khối ngoại (ròng): -743.05 tỷ

HNX-INDEX **295.75**
Giá trị: 2711.28 tỷ **2.64 (0.9%)**
Khối ngoại (ròng): -13.43 tỷ

UPCOM-INDEX **81.99**
Giá trị: 931.7 tỷ **0.2 (0.24%)**
Khối ngoại (ròng): -2.05 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	63.1	0.00%
Giá vàng	1,788	0.64%
Tỷ giá USD/VND	23,072	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,628	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,340	0.67%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	29.23%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	104.1	VNM	-262.8
DXG	46.0	VHM	-145.0
STB	38.0	MBB	-85.5
NVL	19.3	HPG	-79.8
DHC	12.6	KDH	-73.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 19/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	63.02	-0.17%	5.60%	4.90%	81.72%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.62	-0.22%	5.30%	-1.40%	90.40%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	203.42	-0.28%	3.30%	4.80%	96.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1786.49	0.56%	3.10%	2.90%	4.27%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.05	0.31%	5.00%	-0.10%	70.28%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1431.00	0.60%	3.80%	3.70%	68.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	660.50	0.84%	4.60%	6.20%	19.55%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.04	0.00%	-4.60%	6.40%	21.74%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	212.38	-2.81%	2.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.53	-0.24%	7.60%	5.60%	44.12%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	131.20	-2.60%	1.60%	-3.80%	5.21%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9211.00	-0.79%	3.20%	0.70%	76.76%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	784.24	-0.34%	2.70%	9.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	830.63	0.32%	2.90%	11.70%			
Nhôm	USD/ton	2315.00	-1.03%	2.30%	4.40%	53.62%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	163.15	1.17%	7.90%	16.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	89.45	2.70%	7.90%	8.20%	44.39%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 23 US cent, hay 0.3%, xuống 66.54 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 27 US cent, hay 0.2% xuống 62.96 USD/thùng. Dầu giảm bối cảnh làn sóng dịch tại Ấn Độ diễn biến kém tích cực.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,778.91 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York duy trì tại 1,783.55 USD/thùng.

	19/4	% 19/4	16/4	% 16/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1260.58	1.77%	1238.71	-0.68%	0.65%	4.97%
S&P 500			4185.47	0.36%	1.37%	5.62%
HĐTL S&P500	4172.50	-0.09%	4176.30	0.33%	1.27%	6.82%
Shang- hai	3477.55	1.49%	3426.62	0.81%	1.89%	0.93%
Euro Stoxx	4033.89	0.02%	4032.99	0.99%	1.82%	4.75%

Phân tích kỹ thuật

BMI_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tiến vào vùng quá mua
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BMI đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại sau khi điều chỉnh ngắn hạn về quanh khu vực 25 vào cuối tháng trước. Thanh khoản giữ ở mức cao trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu đóng cửa tăng mạnh 5.05%, qua đó chính thức vượt qua ngưỡng kháng cự 28. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Mặc dù vậy, chỉ báo động lượng RSI vừa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể xuất hiện một nhịp tích lũy ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BMI nằm tại khu vực xung quanh 28.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 32.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 27 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

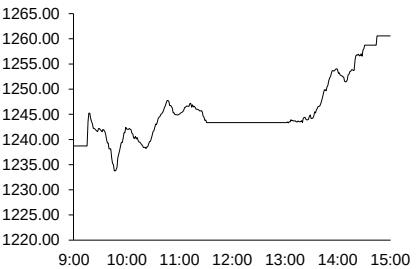
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.83%
Dầu khí	-0.51%
Y tế	-0.32%
Du lịch và Giải trí	-0.14%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	0.26%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.87%
Ô tô và phụ tùng	0.95%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.98%
Thực phẩm và đồ uống	1.32%
Bất động sản	1.52%
Dịch vụ tài chính	1.57%
Hóa chất	1.60%
Bảo hiểm	1.81%
Công nghệ Thông tin	1.84%
Ngân hàng	2.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.30%
Bán lẻ	2.79%
Tài nguyên Cơ bản	5.15%

Hình 1

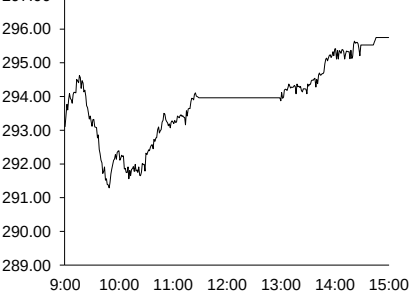
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	57.8	3	5.86%	Có thể tiếp tục mua
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	27	4	6.51%	Có thể tiếp tục mua
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	21.5	5	-4.87%	Có thể tiếp tục mua
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	41.6	7	-1.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	81.5	10	-0.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	23.4	11	-6.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	21.9	13	-7.98%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	16.75	17	-3.18%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.8	20	-0.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	13.4	27	-6.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	59.5	31	-2.46%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	29.3	33	-3.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.8	56	-2.82%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	38.2	69	-1.04%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	33.8	77	9.03%	Cần nhắc không mua thêm (**)
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	10.9	82	13.54%	Cần nhắc không mua thêm (**)
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

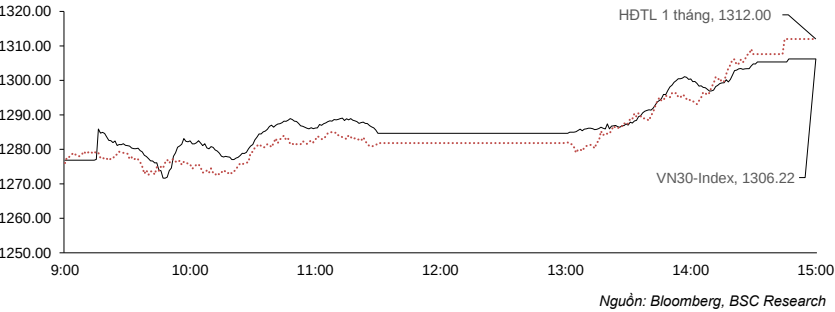
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	TP	19	15.65%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	SL	29	-5.43%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	12	8.74%	-3.39%	-0.36%	29
Cổ phiếu đã chốt	130	70	13.34%	-7.84%	5.93%	28

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1312.00	3.02%	5.78	-9.0%	185,665	5/20/2021	32
VN30F2106	1316.90	-0.06%	10.68	71.6%	908	6/17/2021	60
VN30F2109	1309.80	2.74%	3.58	96.3%	161	9/16/2021	151
VN30F2112	1309.10	2.81%	2.88	-41.7%	60	12/16/2021	242

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh +29.35 điểm, lên 1306.22 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, MSN, TCB, VHM, STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giằng co quanh 1275-1285 điểm trong phiên sáng, trước khi tăng mạnh lên trên 1305 điểm trong phiên chiều. VN30 có thể vận động tăng lên 1320 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2001	5/14/2021	25	4:1	529,800	30.68%	1,400	2,070	29.38%	1,741	1.19	31,822	26,222	33,100
CVHM2008	6/11/2021	53	10:1	998,300	28.32%	1,400	3,100	29.17%	1,649	1.88	102,888	88,888	104,500
CVHM2104	8/9/2021	112	10:1	1,055,900	28.32%	1,600	3,290	27.03%	1,102	2.99	114,000	98,000	104,500
CVHM2102	7/6/2021	78	10:1	638,200	28.32%	1,900	3,670	23.15%	1,876	1.96	106,000	87,000	104,500
CHPG2105	8/9/2021	112	2:1	552,600	32.81%	3,000	9,450	21.15%	8,261	1.14	48,000	42,000	57,800
CHPG2103	7/6/2021	78	2:1	388,900	32.81%	3,900	9,180	19.22%	8,132	1.13	49,800	42,000	57,800
CHPG2104	7/5/2021	77	3:1	361,400	32.81%	1,500	6,000	17.65%	4,523	1.33	49,300	44,800	57,800
CVRE2103	8/9/2021	112	4:1	997,100	31.89%	1,300	2,360	15.69%	927	2.55	37,200	32,000	33,950
CHPG2018	5/14/2021	25	4:1	798,200	32.81%	1,200	6,970	13.15%	6,975	1.00	34,799	29,999	57,800
CHPG2022	5/4/2021	15	2:1	198,200	32.81%	2,100	15,440	12.37%	15,426	1.00	31,200	27,000	57,800
CHPG2020	6/30/2021	72	1:1	62,700	32.81%	5,700	35,200	11.75%	32,042	1.10	31,700	26,000	57,800
CSTB2007	4/27/2021	8	2:1	1,165,900	39.92%	1,500	5,990	6.96%	5,978	1.00	13,999	10,999	22,900
CSTB2014	6/14/2021	56	1:1	352,900	39.92%	3,800	11,000	6.80%	10,987	1.00	15,800	12,000	22,900
CTCB2103	8/9/2021	112	2:1	354,800	33.43%	2,900	5,700	6.34%	3,639	1.57	41,300	35,500	41,600
CTCB2012	7/30/2021	102	1:1	585,000	33.43%	5,400	20,100	5.79%	19,890	1.01	27,400	22,000	41,600
CVIC2005	6/11/2021	53	10:1	1,044,700	31.45%	1,500	4,200	2.94%	3,789	1.11	121,868	106,868	144,000
CNVL2003	6/11/2021	53	10:1	2,868,000	26.11%	1,000	4,650	0.65%	4,546	1.02	73,979	63,979	109,000
CVRE2014	5/4/2021	15	1:1	331,400	31.89%	4,600	6,420	0.00%	6,504	0.99	32,100	27,500	33,950
CVPB2016	5/4/2021	15	1:1	267,400	36.40%	4,800	21,500	-2.76%	22,603	0.95	31,800	27,000	49,550
Tổng				13,551,400	32.47%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 19/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

• CVHM2103 và CKDH2002 tăng mạnh lần lượt là 30.00% và 29.38%. Giá trị giao dịch tăng 12.76%. CNVL2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.33% thị trường.

• CHPG2102, CHPG2105, CKDH2004, CVRE2015, và CVPB2016 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2022, và CKDH2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CVPB2016 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	137.4	2.5%	1.0	2,840	7.1	8,654	15.9	4.0	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	94.0	3.4%	1.0	929	5.6	4,532	20.7	4.1	48.9%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	59.5	2.8%	1.5	1,920	1.8	2,087	28.5	2.2	27.4%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	33.3	-0.6%	0.5	324	0.0	3,404	9.8	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	144.0	0.7%	0.7	21,177	17.6	1,689	85.3	5.9	14.6%	7.1%
VRE	Bất động sản	34.0	0.0%	1.1	3,354	6.0	1,048	32.4	2.6	30.6%	8.5%
VHM	Bất động sản	104.5	3.5%	1.1	14,946	41.0	8,314	12.6	4.0	22.9%	38.6%
DXG	Bất động sản	25.7	5.8%	1.3	578	17.7	(956)		2.2	33.1%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	34.8	2.4%	1.4	977	17.7	2,094	16.6	2.1	45.8%	13.1%
VCI	Chứng khoán	64.5	0.2%	1.0	464	3.3	4,662	13.8	2.4	24.6%	17.9%
HCM	Chứng khoán	32.9	2.7%	1.5	436	5.0	2,462	13.3	2.1	46.8%	16.4%
FPT	Công nghệ	81.5	2.3%	0.9	2,796	8.3	4,520	18.0	4.1	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	76.9	-0.1%	0.4	915	0.0	5,165	14.9	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	87.2	1.4%	1.3	7,256	2.2	4,102	21.3	3.4	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	52.5	-0.6%	1.5	2,839	3.2	723	72.6	3.0	16.3%	4.5%
PVS	Dầu khí	23.3	-0.4%	1.6	484	4.6	1,306	17.8	0.9	8.6%	5.1%
BSR	Dầu khí	16.3	-2.4%	0.8	2,197	5.7	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	97.5	0.0%	0.4	554	0.0	5,443	17.9	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	18.9	-0.5%	0.7	322	1.0	1,765	10.7	0.9	14.2%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.4	1.8%	0.6	401	1.1	1,017	17.1	1.5	3.3%	8.7%
VCB	Ngân hàng	98.5	2.3%	1.1	15,884	5.8	4,975	19.8	3.9	23.3%	21.1%
BID	Ngân hàng	43.0	2.4%	1.3	7,519	5.9	1,740	24.7	2.3	16.9%	9.3%
CTG	Ngân hàng	42.5	1.2%	1.3	6,880	29.2	3,678	11.6	1.9	26.2%	16.9%
VPB	Ngân hàng	49.6	1.2%	1.2	5,288	13.3	4,271	11.6	2.3	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	30.5	1.0%	1.2	3,711	18.4	2,965	10.3	1.8	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.7	1.8%	1.0	3,167	6.2	3,557	9.5	2.1	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	60.1	-0.8%	0.7	214	0.2	6,385	9.4	2.0	81.4%	21.2%
NTP	Nhựa	34.7	-0.3%	0.5	178	0.0	3,526	9.8	1.6	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	21.5	-2.3%	0.7	1,027	1.1	39	551.3	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	57.8	5.9%	1.1	8,326	85.1	4,060	14.2	3.2	30.5%	25.2%
HSG	Thép	32.6	3.5%	1.3	629	17.1	3,387	9.6	2.0	7.4%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	96.1	-0.8%	0.7	8,732	23.9	4,770	20.1	6.4	55.7%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	170.0	0.5%	0.8	4,740	1.1	7,064	24.1	5.5	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	107.1	7.0%	0.9	5,470	29.3	1,054	101.6	7.9	32.6%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	21.6	-1.8%	1.2	580	2.0	946	22.8	1.7	8.3%	7.4%
ACV	Vận tải	70.1	-1.1%	0.8	6,635	0.6	577	121.5	4.1	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	129.2	0.2%	1.1	2,943	3.3	132		4.5	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	31.0	-0.2%	1.7	1,909	1.6	(7,705)		6.9	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	33.8	0.9%	1.0	443	2.1	1,149	29.4	1.7	37.5%	5.8%
PVT	Vận tải	17.5	1.2%	1.3	246	2.0	2,068	8.5	1.2	12.1%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	92.0	-1.5%	1.0	640	0.8	8,257	11.1	3.8	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.0	0.0%	0.4	643	0.4	1,340	24.6	2.3	6.6%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.5	0.0%	0.9	290	0.5	1,592	11.0	1.2	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	68.1	0.3%	1.0	220	1.5	4,158	16.4	0.6	45.2%	3.8%
CII	Xây dựng	23.0	0.9%	0.5	239	2.3	1,030	22.3	1.1	31.9%	5.1%
REE	Điện	52.7	3.3%	-1.4	708	1.2	5,250	10.0	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.9	2.0%	-0.4	215	0.7	2,438	10.6	1.2	12.0%	13.8%
POW	Điện	13.1	-0.8%	0.6	1,334	6.4	1,010	13.0	1.1	3.8%	8.5%
NT2	Điện	21.0	-0.7%	0.5	262	0.4	2,095	10.0	1.4	15.4%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	38.2	0.8%	1.1	780	5.8	478	80.0	1.9	21.9%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.9	1%	1.0	2,561	0.0			3.7	2.0%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	104.50	3.47	3.12	9.10MLN
HPG	57.80	5.86	2.82	34.81MLN
MSN	107.10	6.99	2.19	6.46MLN
VCB	98.50	2.28	2.17	1.39MLN
TCB	41.60	2.84	1.07	11.23MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.45	5.72MLN	1.11MLN
FLC	-0.01	-0.14	43.02MLN	607060
ITA	-0.01	-0.13	22.33MLN	373600
BHN	0.00	-0.12	6500	192700
PLX	0.00	-0.10	1.41MLN	611640

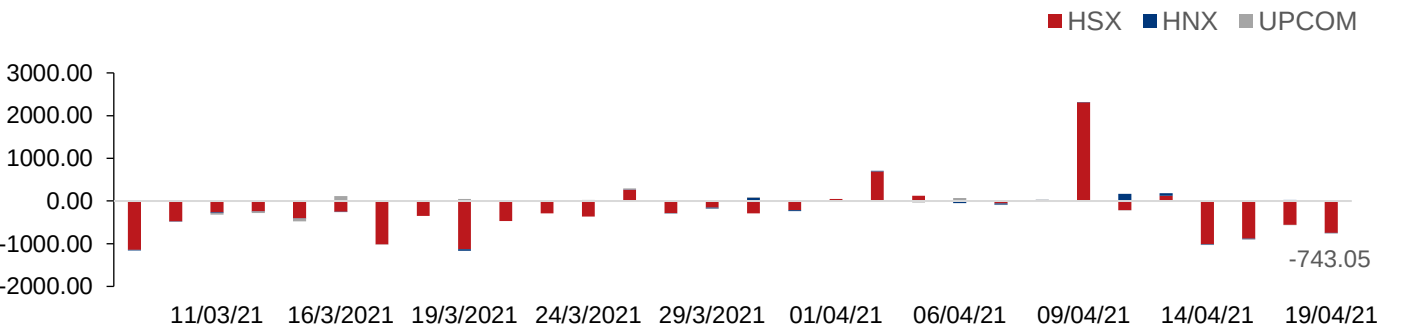
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIS	20.65	6.99	0.03	143500.00
MSN	107.10	6.99	2.19	6.46MLN
SGR	30.60	6.99	0.03	103100
RAL	239.50	6.97	0.05	52600
VPX	27.05	6.92	0.02	1.20MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAI	5.58	-7.00	-0.02	20.80MLN
HCD	5.58	-7.00	0.00	2.01MLN
RIC	23.25	-7.00	-0.01	124900.00
LCM	3.20	-6.98	0.00	371000
FTM	4.14	-6.97	0.00	749900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	17.8	1,387	12.8	1.1	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.7	3,557	9.5	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.1	577	121.5	4.1	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.6	4,043	7.1	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	42.5	3,678	11.6	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.0	13,724	4.2	1.4	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	71.7	5,734	12.5	2.7	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	120.0	6,245	19.2	4.5	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	18.9	1,765	10.7	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.8	2,158	12.9	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	25.7	-956		2.2	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	81.5	4,520	18.0	4.1	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.8	1,149	29.4	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.0	6,175	6.6	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	57.8	4,060	14.2	3.2	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	32.6	3,387	9.6	2.0	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.5	1,592	11.0	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.2	478	80.0	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	33.1	2,044	16.2	2.3	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	19.4			1.5	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	37.7	3,258	11.6	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	107.1	1,054	101.6	7.9	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.4	8,654	15.9	4.0	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	34.5	3,127	11.0	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.9	7,985	6.9	2.3	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.6	1,830	14.5	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.0	4,532	20.7	4.1	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.1	1,010	13.0	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	21.9	0	53.6	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.3	1,306	17.8	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	170.0	7,064	24.1	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.6	946	22.8	1.7	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	41.6	3,521	11.8	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	98.5	4,975	19.8	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	42.7	4,166	10.2	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	16.5	570	28.9	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.7	3,953	9.3	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	96.1	4,770	20.1	6.4	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	104.5	8,314	12.6	4.0	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	26.0	943	27.6	2.2	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.9	566	19.3	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	128.5	9,182	14.0	6.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	49.6	4,271	11.6	2.3	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.0	1,048	32.4	2.6	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	82.9	4,060	20.4	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639